

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2019/HS-ST
Ngày 20-11-2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Thành

2. Ông Đào Văn Nô

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 198/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Phi H; sinh năm 1992, tại tỉnh Sóc Trăng; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; tạm trú: Khu phố C, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 01/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Phi H1, sinh năm 1960 và bà Đặng Thị Kim L, sinh năm 1965; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố C, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

- Người làm chứng: Ông Trần Văn P và ông Trần Văn H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Phi H và bà Nguyễn Thị D là anh em họ. H và D thuê chung một phòng trọ tại nhà trọ N thuộc khu phố C, phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 16 giờ 20 ngày 04/8/2018, bà Nguyễn Thị D đi làm về, lấy 07 chiếc vòng đeo tay bằng kim loại vàng cất vào bao tay nylon rồi đặt vào túi áo khoác và trên tường ngay cạnh cầu thang lên gác. Khoảng 16 giờ 30 phút, bà D đi tắm. Lúc này, Nguyễn Phi H đang ở trong phòng trọ. H đi lên gác phòng trọ để lấy đồ cá nhân, khi đi xuống cầu thang thì nhìn thấy túi áo khoác của bà D (đang treo trên tường gần cầu thang) không khóa nên H mở ra xem. Khi mở ra, H phát hiện bên trong túi áo khoác có một số vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, được đựng

trong một bao tay bằng nylon. H nảy sinh ý định chiếm đoạt số vòng vàng này đem bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, H dùng tay trái lấy số vòng vàng này và cất giấu vào gần bộ phận còi của xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, RSX, màu đỏ đen, biển số 67D1 - 486.19. Sau đó, H điều khiển xe 67D1 - 486.19 chở ông P đi đến chợ H, thuộc phường H, thị xã T, Bình Dương để rút tiền tại cây ATM. H không nói cho ông P biết việc đã chiếm đoạt tài sản của bà D. Sau khi tắm xong, bà D đi ra và phát hiện 07 chiếc vòng đeo tay bằng kim loại vàng, để trong một bao tay bằng nylon, cất bên trong túi áo khoác đã bị mất nên đến Công an phường P, thị xã T đề trình báo vụ việc.

Vật chứng thu giữ gồm: 07 chiếc vòng bằng hợp kim vàng; 01 bao tay bằng nylon; 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Phi H; 01 xe mô tô biển số 67D1 - 486.19.

Tại Kết luận định giá tài sản số 50/KLTS-TTHS ngày 28/01/2019 xác định 07 chiếc vòng có giá trị như sau: 01 vòng đeo tay bằng hợp kim vàng, trọng lượng 2,5419 gam, loại 14K, bên trong có ghi chữ M.Th 610 có giá trị là 881.227 đồng; 01 vòng đeo tay bằng hợp kim vàng, trọng lượng 2,4934 gam, loại 14K, bên trong có ghi chữ M.Th 610 có giá trị là 884.462 đồng; 01 vòng đeo tay bằng hợp kim vàng, trọng lượng 2,5656 gam, loại 14K, bên trong có ghi chữ M.Th 610 có giá trị là 889.494 đồng; 01 vòng đeo tay bằng hợp kim vàng, trọng lượng 2,4651 gam, loại 14K, bên trong có ghi chữ M.Th 610 có giá trị là 854.650 đồng; 01 vòng đeo tay bằng hợp kim vàng, trọng lượng 2,4895 gam, loại 14K, bên trong có ghi chữ M.Th 610 có giá trị là 863.110 đồng; 01 vòng đeo tay bằng hợp kim vàng, trọng lượng 2,3157 gam, loại 14K, bên trong có ghi chữ M.Th 610 có giá trị là 802.853 đồng; 01 vòng đeo tay bằng hợp kim vàng, trọng lượng 2,5865 gam, loại 14K, bên trong có ghi chữ M.Th 610 có giá trị là 896.740 đồng. Tổng giá trị của 07 chiếc vòng là 6.072.586 đồng.

Ngày 14/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Nguyễn Thị D 07 chiếc vòng đeo tay này và 01 bao tay bằng nylon. Sau khi nhận lại tài sản, bà D không có yêu cầu gì khác và đề xử phạt bị cáo theo quy định pháp luật.

Xe mô tô biển số 67D1-486.19 do Nguyễn Phi H đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ngày 04/8/2018, H cất giấu tài sản chiếm đoạt được của bà D tại vị trí gần bộ phận còi của xe mô tô biển số 67D1-486.19.

Tại bản Cáo trạng số 205/CT-VKS.TU ngày 28/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T quyết định: Truy tố bị cáo Nguyễn Phi H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung cáo trạng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Phi H từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển số 67D1

- 486.19 của bị cáo dùng để cất giấu tài sản sau khi chiếm đoạt; hoàn trả cho bị cáo 01 giấy chứng minh nhân dân là giấy tờ tùy thân, không liên quan đến tội phạm.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, lời nói sau cùng bị cáo hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Bị hại bà Nguyễn Thị D, người làm chứng ông Trần Văn P, ông Nguyễn Văn H vắng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, bà D, ông Phường và ông H đã có lời khai đầy đủ và bà D không có yêu cầu gì khác, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà D, ông Phường và ông H.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Phi H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 04/8/2018, bị cáo Nguyễn Phi H đã có hành vi lén lút lấy trộm 07 chiếc vòng đeo tay bằng hợp kim vàng của bị hại bà Nguyễn Thị D. Giá trị tài sản chiếm đoạt theo kết luận định giá là 6.072.586 đồng (sáu triệu không trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng). Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã được thu hồi trả lại cho hại, bị cáo có trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật hạn chế nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu pháp của bị hại. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả. Do đó, cần có hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, rèn luyện, phấn đấu trở thành công dân có ích. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét toàn diện tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự và nhân thân của bị cáo để có một hình phạt tương xứng nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung trong nhân dân.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ đen, biển số 67D1-486.19 là tài sản của bị cáo. Bị cáo sử dụng xe để cất giấu tài sản sau khi lấy trộm nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Hoàn trả cho bị cáo 01 giấy chứng minh nhân dân là giấy tờ tùy thân, không liên quan đến tội phạm.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt và biện pháp xử lý vật chứng là phù. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng Kiểm sát viên không đề cập áp dụng.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 106, 136, 260, 292, 293, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phi H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Phi H 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, biển số 67D1-486.19, số máy: JA31E-0344528, số khung: RLHJA3108EY094672, xe không kính chiếu hậu phải, không kiểm tra trong máy.

- Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Phi H 01 (một) giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Phi H.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T).

4. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Phi H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án

trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; (1)
- Bị hại (1);
- VKSND thị xã T; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV06 - Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã T; (1)
- Cơ quan THAHS Công an thị xã T; (2)
- Chi cục THADS thị xã T; (1)
- Lưu: VT, HS. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh Nga